``TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 833/2019/HS-PT
Ngày: 25 - 12 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Hùng;

Ông Nguyễn Ngọc Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Thành - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Ngọc - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự, thụ lý số 1082/2018/TLPT-HS ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An do có kháng cáo của người có Q lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn N, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2018/HS-ST, ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

** Các bị cáo bị kháng cáo:*

1. Nguyễn Thị H, sinh ngày 07/9/1973; Nơi ĐKHKTT: Xóm 6, xã S, huyện A, tỉnh Nghệ An; chỗ ở trước khi bị bắt: Số A, phố N, phường N, quận H, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn B và bà Đặng Thị H (đều đã chết); có chồng là Phan Bá S (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/6/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Hữu Q, sinh ngày 27/10/1987; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ dân phố B, phường K, quận D, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Hoàng Hữu S và bà Vũ Thị Th; có vợ là Hoa Thị M và có 01 con sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có đơn xin xét xử vắng

mặt.

** Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:*

Ông Nguyễn Văn N; sinh năm 1964;

Người đại diện theo ủy Q của ông N: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960;

Đều trú tại: Xóm T, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Ông N, bà L đều vắng mặt.

** Ngoài ra còn có một số người có Q lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập, gồm:* Ông Nguyễn Thanh L1; anh Nguyễn Văn P; anh Trần Xuân T; anh Võ Văn Ư (Võ Duy Ư); anh Cao Xuân Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mặc dù không có chức năng tuyển dụng và đưa người Việt Nam ra nước ngoài lao động, nhưng do quen một người đàn ông tên Nguyễn Đình K (trú tại phố T, Hà Nội), người này trao đổi với H có đường dây đưa người đi Vương quốc Anh lao động, nếu có người đi thì giới thiệu cho Kiên để nhận tiền "hoa hồng", hình thức tổ chức đi sang Anh bằng đường du lịch, sang đến nơi có người của Kiên đón và bố trí làm việc tại các nông trại, lương hàng tháng từ 40 triệu đồng đến 60 triệu đồng. Chi phí đi cho một người là 22.000 USD (hai mươi hai nghìn đô la Mỹ), đặt cọc trước 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), khi sang đến Anh nộp đủ 12.000 USD (mười hai nghìn đô la Mỹ), còn 10.000 USD (mười nghìn đô la Mỹ) sẽ trừ dần qua tiền lương khi làm việc tại Anh. Nếu đưa được một người sang Anh trót lọt thì H sẽ được Kiên trả từ 500 USD đến 1.000 USD. Nguyễn Thị H đồng ý và đã làm tư vấn, nhận tiền để làm thủ tục đưa 10 công dân Việt Nam sang Anh lao động, gồm:

Lần 1: Khoảng giữa năm 2015, Nguyễn Thị H làm thủ tục cho 03 người thân của Hoàng Hữu Q (sinh năm 1987; trú tại phường K, quận D, Hà Nội) gồm: Hoàng Hữu Uy - sinh năm 1985, Hoàng Hữu T1 - sinh năm 1979, đều trú tại xã V, huyện C, tỉnh Hải Dương (là anh trai và anh họ của Q) và Hoa Văn L2 (sinh năm 1975; trú tại xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên) đi sang Anh lao động. Hình thức và thủ tục đi được H tư vấn đi bằng con đường du lịch, chi phí chuY đi là 22.000 USD (hai mươi hai nghìn đô la Mỹ), nộp trước 12.000 USD (mười hai nghìn đô la Mỹ), còn lại 10.000 (mười nghìn đô la Mỹ) sẽ trừ dần qua tiền lương khi làm việc tại Anh.

Ngày 21/9/2015, Hoàng Hữu Q đứng ra nộp cho Nguyễn Thị H tổng cộng 36.000 USD (ba mươi sáu nghìn đô la Mỹ), 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm

triệu đồng) và 3 bộ hồ sơ. Sau đó, H chuyển số tiền này cho Nguyễn Đình K để làm thủ tục cấp visa. Vài ngày sau, Hoàng Hữu Uy và Hoàng Hữu T1 không đi Anh được nên Nguyễn Thị H đã trả lại cho Q số tiền 24.000 USD (hai mươi bốn nghìn đô la Mỹ), số tiền còn lại là chi phí để Hoa Văn L2 đi Anh lao động. Do ở Việt Nam không làm được visa sang Anh, đến ngày 21/10/2015, Nguyễn Thị H nhờ Q đưa Hoa Văn L2 đi Sigapore (thời điểm này Q có chuY đi sang Sigapore làm việc) để chờ làm thủ tục đi Anh. Sau đó, Q về Việt Nam, còn Hoa Văn L2 chờ đợi ở Sigapore nhưng chờ lâu quá không thấy Nguyễn Thị H làm thủ tục sang Anh nên L2 đã quay về Việt Nam.

Tổng số tiền mà Nguyễn Thị H nhận của lao động Hoa Văn L2 là 12.000 USD (mười hai nghìn đô la Mỹ) và 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng). Khi không đưa được L2 sang Anh lao động, Nguyễn Thị H đã trả lại được cho L2 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng). Còn lại 12.000 USD chưa trả được cho L2.

Lần 2: Vào khoảng tháng 10/2015, Nguyễn Thị H thông báo cho Nguyễn Văn N (sinh năm 1964; trú tại xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An) có đường dây đi lao động nước ngoài, chi phí mức lương, hình thức đi như nội dung Kiên trao đổi với H. Nguyễn Văn N đồng ý và giới thiệu thêm: Nguyễn Văn P - sinh năm 1990 (con trai anh N), Phạm Trọng Thái - sinh năm 1986, đều trú tại xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An và Nguyễn Thanh L1 (sinh năm 1960; trú tại xã Long Thành, huyện Y, tỉnh Nghệ An). Nguyễn Thị H yêu cầu Nam, Phong, Thái và Liêm nộp hộ chiếu, chứng minh nhân dân, bản sao hộ khẩu, đồng thời đặt cọc trước 20.000.000 đồng.

Ngày 22/10/2015, Nguyễn Văn N chuyển cho Nguyễn Thị H số tiền đặt cọc của 04 người là 80.000.000 đồng (chuyển khoản qua ngân hàng Agribank - chi nhánh Tam Trinh - Hà Nội). Đến ngày 26/10/2015, H thông báo cho cả bốn công dân trên ra Hà Nộ gặp H tại phòng trọ số 607 - tòa nhà A4 - chung cư Đền Lừ 2 - quận H - Thành phố Hà Nội để làm hồ sơ và trực tiếp nộp số tiền 470.000.000 đồng (bốn trăm bảy mươi triệu đồng) có ghi giấy biên nhận; trong đó của Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn P là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), của Phạm Trọng Thái là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng); Nguyễn Thanh L1 là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Nhận tiền xong, Nguyễn Thị H báo cho Nguyễn Đình K đến nhà H nhận tiền và hộ chiếu của các lao động để làm Visa, nhưng ở Việt Nam không làm được Visa sang Anh nên Kiên đã nói với H phải đưa các lao động sang Thái Lan rồi từ Thái Lan làm thủ tục sang Anh.

Trước khi sang Thái Lan, Nguyễn Thị H đã đưa các lao động gặp Hoàng

Hữu Q (sinh năm 1987; trú tại phường K, quận D, Hà Nội) và giới thiệu "Đây sẽ là người đưa mọi người sang Thái Lan". Sau đó, H cung cấp thông tin của các công dân và đưa cho Q 30.000.000 đồng để Q và Phan Thị Y (Y là con gái H, được H cho đi Thái Lan du lịch) đi cùng 3 công dân N, Liêm và Thái ra sân bay Nội Bài rồi xuất cảnh sang Thái Lan. Riêng Nguyễn Văn P do trục trặc hộ chiếu nên đến ngày 01/11/2015 mới bay. Khi đến Thái Lan, Y và các lao động đi theo Q làm thủ tục nhập cảnh, sau đó bắt taxi cùng về khách sạn Bangkok mà Q đã đặt sẵn ở Việt Nam. Tại đây, Q thu lại hộ chiếu của các lao động để làm thủ tục cấp Visa, bố trí nơi ăn, ở cho 04 lao động, hẹn chờ khoảng 5 ngày sau sẽ có visa sang Anh. Q cho các lao động xem ảnh visa (qua điện thoại) và nói "đã có visa sang Anh" thông báo cho người nhà của 04 lao động nộp tiền. Sau đó, Q và Y về Việt Nam.

Ngày 05/11/2015, Nguyễn Thị H điện thoại cho Nguyễn Thị L (là vợ của N) thông báo cho bà L đã có Visa sang Anh, yêu cầu người nhà nộp tiền để làm thủ tục. Hai ngày sau, Nguyễn Thị L ra Hà Nội gặp H, bà L đã nộp cho H 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), trong đó tiền của ông Nguyễn Văn N 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), tiền của Phạm Trọng Thái 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng).

Ngày 24/11/2015, H đã đến nhà của ông Nguyễn Văn N yêu cầu người nhà các lao động nộp tiền. Tại đây bà L đã đứng ra nộp cho các lao động số tiền 112.000.000 đồng (một trăm mười hai triệu đồng) có giấy tờ biên nhận là số tiền Nguyễn Thanh L1 nhờ nộp; sau đó, tiếp tục chuyển khoản qua Ngân hàng cho Nguyễn Thị H số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) là số tiền của Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn P.

Tổng cộng số tiền H nhận của 04 lao động là 912.000.000 đồng (chín trăm hai mươi triệu đồng), trong đó:

- Nhận của Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn P (hai bố con) là 520.000.000 đồng (năm trăm hai mươi triệu đồng).

- Nhận của Phạm Trọng Thái là: 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng)

- Nhận của Nguyễn Thanh L1 là 132.000.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu đồng).

Thời gian sau đó, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thanh L1 và Phạm Trọng Thái chờ đợi ở Thái Lan gần 2 tháng để được Nguyễn Thị H làm thủ tục sang Anh nhưng không được, nên ngày 22/12/2015 các lao động phải tự trở về Việt Nam bằng đường bộ.

Sau khi không đưa được N, P, Th và L sang Anh lao động, Nguyễn Thị H

đã trả cho gia đình Nguyễn Văn N số tiền 228.000.000 đồng (hai trăm hai tám triệu đồng). Trả cho Phạm Trọng Thái 15.000.000đ

Lần 3: Tháng 11/2015, khi đến thu tiền của các lao động tại nhà ông Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị H đã gặp Trương Công Ngh (cháu họ của ông N), trú tại xã Diễn Tháp, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Ngh biết Nguyễn Thị H đã đưa Nguyễn Văn N cùng một số người đi lao động tại Anh, nên đã đặt vấn đề với H về việc đi nước ngoài lao động. Nguyễn Thị H đồng ý và tư vấn cho Trương Công Ngh về thủ tục đi sang Anh lao động. Ngày 09/11/2017, H đến nhà Ngh tại xóm A, xã T, huyện C gặp Võ Duy Ư - sinh năm 1993, Trần Xuân T - sinh năm 1981, đều trú tại xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An; Cao Xuân Tr - sinh năm 1974, Võ Văn T3 - sinh năm 1979, đều trú tại xã T, huyện C, tỉnh Nghệ An; Trịnh Minh Nh - sinh năm 1980(trú tại xóm C, xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An) có nhu cầu đi Anh lao động đang ở nhà Trương Công Ngh. H đã tư vấn cho những người này đi sang Anh bằng hình thức du lịch, sau đó trốn ở lại làm việc. Công việc là làm nông trại, mức lương từ 40 -60 triệu/ tháng, chi phí cho mỗi người là 17.000 USD (mười bảy nghìn đô la Mỹ), sang đến Anh phải đóng đủ 12.000 USD (mười hai nghìn đô la Mỹ), còn 5.000 USD sẽ trừ dần qua tiền lương khi làm việc tại Anh. Sau đó, H thu hồ sơ và tiền cọc của Ng, Tuệ, Tri, Thường và Nhận số tiền 10.000 USD (mười nghìn đô la Mỹ) có giấy tờ biên nhận, ban đầu sẽ đi sang Thái Lan, rồi từ đó làm thủ tục xuất cảnh sang nước Anh. Đến ngày 14/11/2017, Trương Công Ngh, Trần Xuân T, Cao Xuân Tr, Võ Văn Th, Trịnh Minh Nh và Võ Duy Ư (em họ của Ngh) ra Hà Nội gặp H tại phòng 607 - tòa nhà A4 - chung cư Đền Lừ 2 - Thành phố Hà Nội. Ưng cũng xin đi nên Trương Công Ngh đã nhường suất của mình cho Ưng đi thay. H thu hộ chiếu của 05 người báo ngày mai sẽ bay. Ngày 15/11/2015, H gọi điện cho 05 lao động ra sân bay Nội Bài để bay sang Thái Lan cùng thời điểm. Cùng chuY bay với 05 lao động còn có con gái H tên Phan Thị Y và Phan Thị Th có chuY đi du lịch Thái Lan cùng thời điểm. Khi sang Thái Lan, Y và Th đưa nhóm người này gặp Nguyễn Văn N, các lao động tự thuê chỗ ăn, ở. Y và Th ở lại Thái Lan du lịch 04 ngày rồi quay về Việt Nam. Khoảng vài ngày sau, H yêu cầu nhóm lao động đóng tiền, bà Nguyễn Thị L đã chuyển khoản hộ cho các lao động qua ngân hàng số tiền mà các lao động đóng 12.000 USD (mười hai nghìn đô la Mỹ). Số tiền này Trương Công Ngh đứng ra vay và nộp hộ cho Ưng, Tuệ, Tri, Thường và Nhận. 05 lao động trên chờ ở Thái Lan đến ngày 14/12/2015 nhưng không thể xuất cảnh sang Anh được nên sau đó đã đến Cơ quan chức năng của Thái Lan trình báo mất hộ chiếu về Việt Nam bằng giấy thông hành. Tổng cộng số tiền những người này nộp cho H 22.000 USD (hai mươi hai nghìn

đô la Mỹ). Cho đến nay, Nguyễn Thị H chưa trả lại tiền cho các lao động.

Như vậy, Nguyễn Thị H đã nhận tổng cộng của 10 lao động số tiền 34.000USD (ba mươi bốn nghìn đô la Mỹ) và 977.000.000 đồng (chín trăm bảy mươi bảy triệu đồng); H đã chi phí cho việc mua vé máy bay sang Thái Lan, Singapore và chi phí ăn ở của các lao động hết 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) và 500 USD (năm trăm đô la Mỹ); số tiền còn lại H chuyển cho Nguyễn Đình K để làm thủ tục cấp Visa sang Anh. Sau khi các lao động trên về nước, Nguyễn Thị H đã chủ động trả cho các lao động tổng cộng số tiền 293.000.000 đồng (hai trăm chín mươi ba triệu đồng). Riêng Hoàng Hữu Q là người đưa 05 lao động sang Thái Lan giúp H mục đích là để Nguyễn Thị H có tiền trả nợ cho Q, nhưng Q chưa được hưởng lợi gì từ việc giúp sức cho H.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2018/HS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị H, Hoàng Hữu Q phạm tội "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài".

Áp dụng khoản 2 điều 275; điểm b, p khoản 1 điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc hội khóa 14; khoản 3 điều 7; khoản 2 điều 349 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 22/06/2017.

Áp dụng khoản 1 điều 275; điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46; Điều 53; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc hội khóa 14; khoản 3 điều 7; khoản 1 điều 349 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Hoàng Hữu Q 18 (mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 điều 584, khoản 1 điều 585 Bộ luật dân sự 2015. Chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Thị H và người có Q lợi liên quan, buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải trả lại cho người có Q lợi liên quan; trong đó phải trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 123.500.000đ (một trăm hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng chẵn); anh Nguyễn Văn P (con ông N) số tiền 123.500.000đ (một trăm hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

Ngoài ra bản án còn buộc bị cáo H phải trả lại tiền cho những người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan khác, buộc nghĩa vụ nộp án phí và thông báo về Q kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/4/2018, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, tại phiên tòa phúc thẩm ông N và người đại

diện theo ủy Q của ông N là bà L đều vắng mặt.

- Bị cáo Nguyễn Thị H trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết; việc ông N kháng cáo là không có căn cứ vì con bị cáo không liên quan gì trong vụ án này, cháu Y chỉ đi du lịch cùng với ông N và những người khác. Đối với số tiền 430 triệu đồng, bị cáo thừa nhận nhưng đây không phải là số tiền liên quan đến việc đưa người đi nước ngoài, mà đây là quan hệ dân sự sau này nếu ông N khởi kiện bị cáo sẽ có trách nhiệm trả.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:* Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ cho rằng cấp sơ thẩm quy kết đối với các bị cáo là có căn cứ; khi xét xử cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện, đầy đủ nội dung vụ án nên việc kháng cáo của ông N về bỏ lọt tội phạm là không có căn cứ. Đối với trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo và ông N đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự thỏa thuận đó, đối với số tiền 430 triệu đồng không liên quan đến vụ án nên cấp sơ thẩm đã tách ra nếu có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác là có căn cứ. Từ các phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn N; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hoàng Hữu Q cũng như ông Nguyễn Văn N là người có Q lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo vắng mặt, nhưng bị cáo Q đã có đơn xin xét xử vắng mặt, ông N đã được tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nên Tòa án cấp phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị H thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã quy kết. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người liên quan và các chứng cứ tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ căn cứ kết luận: Mặc dù không có chức năng, thẩm Q đưa người Việt Nam ra nước ngoài lao động nhưng trong thời gian từ tháng 9/2015 đến tháng 11/2015, Nguyễn Thị H đã liên kết với Hoàng Hữu Q tư vấn, nhận hồ sơ, tiền để tổ chức cho 10 công dân Việt Nam đi du lịch sang Thái Lan, Singapore với mục đích từ các nước này sẽ nhập cảnh trái phép vào Vương quốc Anh và trốn ở lại lao động bất hợp pháp tại nước Anh. Hành vi đó của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài"; cấp sơ thẩm xét xử, quy kết các bị cáo tội danh như bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội; hành vi đó đã xâm phạm đến trật tự quản lý Nhà nước về hoạt động xuất, nhập cảnh, còn gây tác hại đến chính sách về hợp tác lao động của Nhà nước với các nước khác, làm ảnh hưởng đến uy tín của các tổ chức được giao nhiệm vụ tuyển dụng lao động hợp pháp và xâm phạm đến Q và lợi ích hợp pháp của người lao động chân chính. Các bị cáo nhận thức được việc của mình làm là không được pháp luật cho phép nhưng vì hám lợi nên vẫn thực hiện. Khi xét xử, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo, đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt các bị cáo mức án như bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Đối với kháng cáo về tội danh: Như đã phân tích ở trên, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài"; không đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật, không sai.

[4.2] Đối với kháng cáo bỏ lọt tội phạm: Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm tuy đã mở phiên tòa xét xử đối với các bị cáo, nhưng sau đó đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung yêu cầu xem xét trách nhiệm hình sự của các đối tượng có liên quan theo đúng quy định của pháp luật, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra bổ sung nhưng không đủ căn cứ, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An có văn bản giữ nguyên nội dung cáo trạng chỉ truy tố hai bị cáo H và Q nên Tòa án chỉ xét xử trong phạm vi truy tố của Viện kiểm sát. Hơn nữa, mặc dù ông N kháng cáo cho rằng còn bỏ lọt đối với Phan Thị Y và Nguyễn Đình K nhưng không có tài liệu nào để chứng minh, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[4.3] Đối với kháng cáo phần trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận đối với bị cáo H trong việc bồi thường dân sự, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự thỏa thuận đó; đối với số tiền 430 triệu đồng ông N cho rằng đã đưa cho bị cáo H, nhưng cáo trạng không quy kết nên Tòa án không xem xét giải quyết; nếu có căn cứ ông N có Q khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để yêu cầu.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng: Khi xét xử, cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được Q lợi hợp pháp của người kháng cáo; tại phiên tòa phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông N; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của người có Q lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn N; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2018/HS-ST ngày 22/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;

Áp dụng khoản 2 Điều 275; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo (22/6/2017).

Áp dụng khoản 1 Điều 275; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 349 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Hoàng Hữu Q 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Q cho UBND phường K, quận D, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; trường hợp người được cho hưởng án treo đi thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015; chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Thị H và người có Q lợi nghĩa vụ liên quan, buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải trải lại cho ông Nguyễn Văn N, trú tại: Xóm T, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An số tiền số tiền 123.500.000đ (một trăm hai ba triệu, năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án, mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 32/2018/HS-ST ngày 22/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tại cấp cao Hà Nội;
- PV27; PC81 công an tỉnh Nghệ An;
- Toà án tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Nhệ An;
- Bị cáo H (qua Trại tạm Giam);
- Người tham gia tố tụng khác (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm